TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẬU LỘC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-ST
Ngày 18/9/2019.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Nam Văn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Đình Quế.
Ông Hoàng Văn Cường.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê -Thư ký Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc

- Đại diên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H.L. xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 19/2019/DSST ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST - DS ngày 28/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Qũy tín dụng nhân dân L.S...

Địa chỉ: Xã L.S.., huyện H.L., tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lưu Thị D.. - sinh năm 1988 - Là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Thôn K.V..., xã L.S., huyện H.L., tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn M.. - Sinh năm 1991.

Chức vụ: Giám đốc Qũy tín dụng nhân dân L.S. (Theo giấy ủy quyền số 01/UQ-QTDND ngày 20 tháng 8 năm 2019).

Bị đơn: Ông Lê Tiến M.. - sinh năm 1983.

Bà Đỗ Thị H… - sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Thôn K.H, xã M.L, huyện H.L., tỉnh Thanh Hóa.

(Phiên tòa có mặt ông Đỗ Văn M.. và ông Lê Tiến M.., vắng mặt bà H....

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Ông Đỗ Văn M.. - Đại diện theo ủy quyền của Qũy tín dụng nhân dân L.S. trình bày:

Ông Lê Tiến M.. và bà Đỗ Thị H.. có vay vốn tại Qũy tín dụng nhân dân L.S. theo hợp đồng tín dụng số 00260/HĐTD ngày 02/8/2017 với số tiền là 450.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay; đầu tư vào xưởng gạch bi bán vật liệu xây dựng.

Lãi suất cho vay là 0,89% tháng, lãi suất phạt quá hạn 1,335%/tháng, phương thức thanh toán: trả lãi hàng tháng, trả gốc cuối kỳ. Điều kiện đảm bảo cho vay là thế chấp quyền sử dụng đất số CĐ 236 903 của bà Đỗ Thị H.. do UBND huyện H.L. cấp ngày 21/4/2016, thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 06, vào sổ số CH 00596, địa chỉ thửa đất tại thôn K.H.., xã M.L., huyện H.L., tỉnh Thanh Hóa, diện tích 247 m2 và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp số CĐ 236 903/2016/HĐTC ngày 02/8/2017 tại văn phòng công chứng H.L..

Đến ngày 18/9/2019 (ngày xét xử sơ thẩm), ông M.., bà H.. còn nợ quỹ tín dụng nhân dân L.S. số tiền 573.232.000đ (*năm trăm bảy ba triệu, hai trăm ba hai nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 450.000.000đ, Nợ lãi là: 123.232.000đ.

Đến hạn ông M.., bà H.. không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, quỹ tín dụng nhân dân L.S. đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ, cử cán bộ tín dụng trực tiếp xuống nhà làm việc nhưng ông M.., bà H.. cố tình không hợp tác trả nợ.

Vì vậy Qũy tín dụng nhân dân L.S. đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông M.., bà H.. phải thanh toán cho quỹ tín dụng số tiền nợ gốc tính đến ngày 18/9/2019 là 450.000.000đ nợ gốc và tiền lãi là 123.232.000đ, Tổng cộng là 573.232.000đ (*năm trăm bảy ba triệu, hai trăm ba hai nghìn đồng*) và các khoản chi phí phát sinh, chi phí xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng số 257/HĐCV ngày 02/8/2017 cho đến khi ông M.., bà H.. thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp ông M.., bà H.. thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Qũy tín dụng nhân dân L.S. đề nghị Tòa án tuyên trong bản án việc xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số CĐ 236 903/2016/HĐTC ngày 02/8/2017 gồm tài sản thế chấp sau:

1. Quyền sử dụng đất đứng tên bà Đỗ Thị H.. do UBND huyện H.L. cấp ngày 21/4/2016, thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 06, vào sổ số CH 00596, địa chỉ thửa đất tại thôn K.H.., xã M.L., huyện H.L., tỉnh Thanh Hóa, diện tích 247 m2

theo hợp đồng thế chấp số CĐ 236 903/2016/HĐTC ngày 27/4/2016 tại văn phòng công chứng H.L..

2. Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở cấp 4, hai tầng, kiên cố, diện tích xây dựng 180 m2, xây dựng năm 2014. Địa chỉ tài sản: Thôn K.H.., xã M.L., huyện H.L., tỉnh Thanh Hóa, theo hợp đồng thế chấp số CĐ 236 903/2016/HĐTC ngày 02/8/2017 tại văn phòng công chứng H.L..

2. Bị đơn ông Lê Tiến M.. trình bày:

Ông và vợ là bà Đỗ Thị H.. có vay vốn tại Qũy tín dụng nhân dân L.S. theo hợp đồng tín dụng số 00260/HĐTD ngày 02/8/2017 với số tiền là 450.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay; đầu tư vào xưởng gạch bi bán vật liệu xây dựng.

Lãi suất cho vay là 0,89% tháng, lãi suất phạt quá hạn 1, 335%/tháng, phương thức thanh toán: trả lãi hàng tháng, trả gốc cuối kỳ. Điều kiện đảm bảo cho vay là thế chấp quyền sử dụng đất số CĐ 236 903 của vợ ông là Đỗ Thị H.. do UBND huyện H.L. cấp ngày 21/4/2016, thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 06, vào sổ số CH 00596, địa chỉ thửa đất tại thôn K.H.., xã M.L., huyện H.L., tỉnh Thanh Hóa, diện tích 247 m2 và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp số CĐ 236 903/2016/HĐTC ngày ngày 02/8/2017 tại văn phòng công chứng H.L..

Đến ngày 28/02/2019, ông M.. công nhận còn nợ quỹ tín dụng nhân dân L.S. số tiền 532.780.000đ, trong đó nợ gốc là 450.000.000đ.

Nợ lãi là: 82.780.000đ.

Vì lý do gia đình làm ăn thua lỗ nên hiện nay chưa thể trả số nợ trên cho Qũy tín dụng. Vì vậy quan điểm của ông M.. đề nghị Qũy tín dụng nhân dân L.S. tạo điều kiện để gia đình ông có thêm thời gian làm ăn để trả nợ, ông M.. hứa từ tháng 10 năm 2019, ông và bà H.. sẽ có trách nhiệm trả cho Qũy tín dụng số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Trường hợp đến hạn vẫn không trả được nợ thì ông M.. đồng ý xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đứng tên bà Đỗ Thị H.. do UBND huyện H.L. cấp ngày 21/4/2016, thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 06, vào sổ số CH 00596, địa chỉ thửa đất tại thôn K.H.., xã M.L., huyện H.L., tỉnh Thanh Hóa, diện tích 247 m2 và tài sản gắn liền với đất: Nhà ở cấp 4, hai tầng, kiên cố, diện tích xây dựng 180 m2, xây dựng năm 2014. Địa chỉ tài sản: Thôn K.H.., xã M.L., huyện H.L., tỉnh Thanh Hóa, theo hợp đồng thế chấp số CĐ 236 903/2016/HĐTC tại văn phòng công chứng H.L..

Tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thể hiện đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần HĐXX và các thành viên, thư ký đều có mặt đầy đủ, thủ tục phiên tòa đều thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự:

Đối với đương sự, từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành nghiêm chỉnh theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Về phía bị đơn chấp hành chưa nghiêm giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt trong suốt quá trình hòa giải và tại phiên tòa ngày 28/8/2019. Tại phiên tòa ngày 18/9/2019, bị đơn ông Lê Tiến M.. có mặt, chị Đỗ Thị H.. vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466, 468 BLDS năm 2015, Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng, Điều 7, khoản 2 Điều 8 Nghị Quyết số 01 ngày 11 /01/2019 áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Qũy tín dụng nhân dân L.S..

Buộc ông Lê Tiến M.. và bà Đỗ Thị H.. phải trả cho Qũy tín dụng nhân dân L.S. tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 18/9/2019 là 573.232.000đ, trong đó Gốc 450.000.000đ và lãi 123.232.000đ và lãi phát sinh từ ngày 19/9/2019 theo hợp đồng tín dụng đối với số nợ gốc chưa thanh toán. Trong trường hợp không trả được nợ thì chấp nhận yêu cầu cho xử lý tài sản thế chấp; Bị đơn pH.. chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Qũy tín dụng nhân dân L.S. và bị đơn ông Lê Tiến M.., bà Đỗ Thị H.. có địa chỉ tại thôn K.H.., xã M.L. là tranh chấp dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.L. theo quy định tại khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho đương sự; tiến hành thông báo mở phiên họp, công khai chứng cứ và hoà giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 28/8/2019, bị đơn ông Lê Tiến M.. và bà Đỗ Thị H.. vắng mặt nên HĐXX hoãn phiên tòa và Thông báo mở lại phiên tòa lần thứ hai vào ngày 18/9/2019. Tuy nhiên tại phiên tòa ngày 18/9/2019, chỉ có mặt ông Đỗ Văn M.. (là người đại diện theo ủy quyền của Qũy tín dụng nhân dân L.S.) và bị đơn ông Lê Tiến M... Kết quả xác minh, chính quyền địa phương xã M.L. cho biết hiện nay bà H.. đang có mặt tại địa phương. Tuy nhiên bà H.. cố tình không đến Tòa án để tham gia phiên tòa, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H.. là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ tài liệu khởi kiện do nguyên đơn cung cấp đã thể hiện nội dung: Ông Lê Tiến M.. và bà Đỗ Thị H.. có vay vốn tại Qũy tín dụng nhân dân L.S. theo hợp đồng tín dụng số 00260/HĐTD ngày 02/8/2017 với số tiền là 450.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay; đầu tư vào xưởng gạch bi bán vật liệu xây dựng.

Lãi suất cho vay là 0,89% tháng, lãi suất phạt quá hạn 1, 335%/tháng, phương thức thanh toán: trả lãi hàng tháng, trả gốc cuối kỳ. Điều kiện đảm bảo cho vay là thế chấp quyền sử dụng đất số CĐ 236 903 của bà Đỗ Thị H.. do UBND huyện H.L. cấp ngày 21/4/2016, thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 06, vào sổ số CH 00596, địa chỉ thửa đất tại thôn K.H.., xã M.L., huyện H.L., tỉnh Thanh Hóa, diện tích 247 m2 và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp số CĐ 236 903/2016/HĐTC ngày 27/4/2016 tại văn phòng công chứng H.L..

Đến ngày 18/9/2019 (ngày xét xử sơ thẩm), ông M.., bà H.. còn nợ quỹ tín dụng nhân dân L.S. số tiền 573.232.000đ (*năm trăm bảy ba triệu, hai trăm ba hai nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 450.000.000đ, Nợ lãi là: 123.232.000đ

Quỹ tín dụng nhân dân L.S. đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ, cử cán bộ tín dụng trực tiếp xuống nhà làm việc nhưng ông M.., bà H.. cố tình không hợp tác trả nợ.

Vì vậy Qũy tín dụng nhân dân L.S. đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông M.., bà H.. pH.. thanh toán cho quỹ tín dụng số tiền 450.000.000đ nợ gốc và tiền lãi là: 123.232.000đ, 573.232.000đ (*năm trăm bảy ba triệu, hai trăm ba hai nghìn đồng*) và các khoản chi phí phát sinh, chi phí xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng số 00260/HĐTD ngày 02/8/2017 cho đến khi ông M.., bà H.. thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp ông M.., bà H.. thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Qũy tín dụng nhân dân L.S. đề nghị Tòa án tuyên trong bản án việc xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bất động sản mà ông M.., bà H.. đã thế chấp cho Qũy tín dụng nhân dân L.S..

[4]. Về nội dung, hình thức Hợp đồng: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Qũy tín dụng nhân dân L.S. và ông Lê Tiến M.., bà Đỗ Thị H.. trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHHH ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. Do vậy, Hợp đồng tín dụng nói trên là hợp pháp và có hiệu lực thi hành.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông M.., bà H.. đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Qũy tín dụng nhân dân L.S. kể pH.. chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/9/2019, ông M.., bà H.. còn nợ quỹ tín dụng nhân dân L.S. số tiền 573.232.000đ (*năm trăm bảy ba triệu, hai trăm ba hai nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 450.000.000đ, Nợ lãi là: 123.232.000đ.

Do đó, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông M.., bà H.. pH.. thanh toán số nợ gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/9/2019, tổng cộng cả gốc và lãi là 573.232.000đ (*năm trăm bảy ba triệu, hai trăm ba hai nghìn đồng*) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5]. Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Qũy tín dụng nhân dân L.S.:

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Qũy tín dụng nhân dân L.S. và ông Lê Tiến M.., bà Đỗ Thị H.. đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản đối với tài sản bảo đảm gồm:

1. Quyền sử dụng đất đứng tên bà Đỗ Thị H.. do UBND huyện H.L. cấp ngày 21/4/2016, thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 06, vào sổ số CH 00596, địa chỉ thửa đất tại thôn K.H.., xã M.L., huyện H.L., tỉnh Thanh Hóa, diện tích 247 m2.

2. Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở cấp 4, hai tầng, kiên cố, diện tích xây dựng 180 m2, xây dựng năm 2014. Địa chỉ tài sản: Thôn K.H.., xã M.L., huyện H.L., tỉnh Thanh Hóa, theo hợp đồng thế chấp số CĐ 236 903/2016/HĐTC tại văn phòng công chứng H.L..

Căn cứ vào hợp đồng thế chấp, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được xác lập trên ý chí tự nguyện của các bên, về hình thức, thẩm quyền công chứng, chứng thực và đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng thế chấp đã ký giữa các bên là có hiệu lực thi hành. Yêu cầu của Qũy tín dụng đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp ông M.., bà H.. không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của Qũy tín dụng nhân dân L.S. được chấp nhận nên buộc ông M.., bà H.. pH.. chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

*** Áp dụng**: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự (năm 2015).

- Điều 299, 317, 323, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự (năm 2015).

- Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng, Điều 7, khoản 2 Điều 8 Nghị Quyết số 01 ngày 11 /01/2019 áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng,

Điểm b khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử:** *Vắng mặt bà Đỗ Thị H...*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Qũy tín dụng nhân dân L.S..

* Buộc ông Lê Tiến M.. và bà Đỗ Thị H.. phải trả cho Qũy tín dụng nhân dân L.S. số tiền nợ gốc là 450.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 18/9/2019 là 123.232.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 573.232.000đ (*năm trăm bảy ba triệu, hai trăm ba hai nghìn đồng*).

Trường hợp ông M.., bà H.. không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Qũy tín dụng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm:

1. Quyền sử dụng đất đứng tên bà Đỗ Thị H.. do UBND huyện H.L. cấp ngày 21/4/2016, thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 06, vào sổ số CH 00596, địa chỉ

thửa đất tại thôn K.H.., xã M.L., huyện H.L., tỉnh Thanh Hóa, diện tích 247 m2 theo hợp đồng thế chấp số CĐ 236 903/2016/HĐTC ngày 27/4/2016 tại văn phòng công chứng H.L..

2. Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở cấp 4, hai tầng, kiên cố, diện tích xây dựng 180 m2, xây dựng năm 2014. Địa chỉ tài sản: Thôn K.H.., xã M.L., huyện H.L., tỉnh Thanh Hóa, theo hợp đồng thế chấp số CĐ 236 903/2016/HĐTC tại văn phòng công chứng H.L..

* Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Qũy tín dụng nhân dân L.S. có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông M.., bà H.. không chịu thi hành nghĩa vụ trả nợ số tiền trên thì hàng tháng ông M.., bà H.. phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người pH.. thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Về án phí**: Buộc ông Lê Tiến M.. và bà Đỗ Thị H.. phải chịu **26.929.280đ** án phí DSST, trả lại cho Qũy tín dụng nhân dân L.S. số tiền **12.650.000đ** tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tám ứng án phí số: AA/2018/0005467 ngày 08/4/2019 tại chi Cục thi hành án dân sự huyện H.L..

*** Về quyền kháng cáo**: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt người đại diện theo ủy quyền của Qũy tín dụng nhân dân L.S. và ông Lê Tiến M.., vắng mặt bà Đỗ Thị H... Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn bà Đỗ Thị H.. có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án vắng mặt hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

<u>Nơi nhận</u>:
- VKSND huyện H.L.;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS h.H.L.;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh TH.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Lê Nam Văn